TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2022/DS-PT
Ngày: 21/6/2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**
Các Thẩm phán: 1. Ông **Uông Văn Tuấn**
2. Bà **Vũ Thị Thu Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **An Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/5/2022, 13/6/2022 và ngày 21/06/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLDS-PT ngày 25/3/2022 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1401/2022/QĐ-PT ngày 12/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5213/2022/QĐ-PT ngày 10/05/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Gái B,** sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ: A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**
Địa chỉ: E, phường F, quận G, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ liên hệ: M, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh V (vắng mặt)
2. Ông Phạm Quang Đ (có mặt)
Địa chỉ: E, phường F, quận G, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Tấn Đ1, sinh năm 1979
Địa chỉ: Q, xã W, huyện R, tỉnh Long An
Đại diện theo uỷ quyền của ông Đ1: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Q, xã W, huyện R, tỉnh Long An

Người kháng cáo: Bị đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/05/2020 (BL.153-159), đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 18/11/2020 (BL.163) và các tài liệu khác, nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/4/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) và vợ chồng ông Phan Tấn Đ1, bà Lê Thị Ngọc G ký kết Hợp đồng cho vay số LN1703160028772/HCM/HDTD để vay số tiền là 504.000.000 đồng với mục đích sử dụng vốn vay là: "mua ô tô tải DOTHANH MIGHTY HD99-TK, thùng kín, mới 100%", tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DOTHANH, mang biển số 62C-08863 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đ1 và bà G theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1703160028772/HCM/HĐTCSP ký kết cùng lúc.

Cũng ngay trong ngày 20/4/2017, ông Đ1 và bà G đã ký Khế ước nhận nợ (Lần: 01/số: LN1703160028772/HCM7HDTD) và nhận toàn bộ số tiền đã vay.

Sau đó, đến ngày 15/4/2019, bà Nguyễn Thị Gái B và ông Phan Tấn Đ1 ký kết "Giấy bán xe" (BL.37) với thỏa thuận: ông Đ1 đồng ý bán cho bà B chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Huyndai HD99, có biển số 62C-08863 do ông Đ1 làm chủ sở hữu với giá 507.000.000 đồng, bà B đặt cọc trước số tiền 20.000.000 đồng. Vì chiếc xe tải này hiện đang thế chấp tại Ngân hàng V nên ông Đ1 và bà B thỏa thuận về việc liên hệ với Ngân hàng để thực hiện thủ tục giải chấp, lấy lại giấy tờ xe và giao xe cho bên mua.

Sau đó bà B có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D để cùng ông Đ1 liên hệ với Ngân hàng trao đổi vấn đề nêu trên. Tại buổi làm việc giữa các bên, đại diện V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là ông Huỳnh Chí C - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân hướng dẫn nếu ông Đ1 thực hiện thanh toán khoản vay trước hạn thì Ngân hàng sẽ trả lại giấy tờ xe và hai bên tự do mua bán, nhưng vì ông Đ1 không có khả năng tài chính để thanh toán khoản vay nên ông C hướng dẫn là để cho bà D chuyển tiền vào Ngân hàng (phần ông Đ1 còn nợ) nhằm tất toán khoản vay mua xe, các bên đều thống nhất với phương án mà ông C đề xuất.

Ngày 16/4/2019, ông Đ1 làm giấy "Đề nghị trả nợ trước hạn" để trả nợ trước hạn số tiền số tiền còn thiếu cùng tiền lãi và tiền phạt trả nợ trước hạn. Cùng ngày, bà B đã nộp số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán nợ của ông Phan Tấn Đ1 tại V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung nộp tiền ghi rõ: "Trả tiền mua xe biển số 62C - 08863 (Nguyễn Thị Gái B nộp tiền mặt)".

Ngày 17/4/2019, Phòng khách hàng cá nhân của V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có "Tờ trình phương án xử lý nợ" đề xuất Hội đồng xử lý nợ: "Đồng ý cho giải chấp tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu Huyndai HD99 biển kiểm soát 62C - 088.63". Tiếp đó, ngày 22/4/2019, Phòng Cấu trúc nợ thuộc V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản gửi cho Chuyên gia phê duyệt xử lý nợ của V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nêu ý kiến: "Phòng cấu trúc nợ thống nhất đề xuất Phương án xử lý nợ của V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải chấp tài sản là xe ô tô tải DOTHANH, BKS: 62C-088.63 thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm theo quy định Thương mại cổ phần V". Tuy nhiên, V vẫn không giải chấp tài sản thế chấp của ông Đ1.

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 27/5/2019 tại địa điểm 96 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bà D và ông Đ1 đã làm việc với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Sau đây gọi tắt là V AMC), về nội dung liên quan đến khoản vay nợ của bà Giàu còn nợ tại V, V AMC cho biết tổng nợ gốc và lãi là: 298.383.385 đồng. Hiện nay V đang khởi kiện bà G tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thu hồi nợ. Đối với khoản nợ của ông Phan Tấn Đ1 (Mã khách hàng CIF: 3579502) chưa được phân luồng chuyển qua V AMC do đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của V AMC. Ngoài ra tại buổi làm việc này, ông Đ1 có ý kiến nếu không giải chấp tài sản được thì phía V phải trả tiền cho người mua.

Do vậy, ngày 27/5/2019, bà D và ông Đ1 đã làm việc với ông Huỳnh Chí C (đại diện V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nêu thắc mắc về trường hợp này, phía V có ý kiến: Do bà G còn nợ tín chấp số tiền gốc và lãi là 298.000.000 đồng nên ông Đ1 phải trả nợ quá hạn 298.000.000 đồng của bà G thì mới giải chấp Giấy tờ xe biển số 62C - 088.63. Ông Đ1 đã nêu yêu cầu nếu ngân hàng không giải chấp được thì trả lại tiền cho bên mua xe vì số tiền 400.000.000 đồng là do bên mua xe (bà B) nộp.

Sau đó, ngày 02/7/2019 bà D tiếp tục làm việc với ông Huỳnh Chí C (đại diện V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, ý kiến phía ngân hàng không giải chấp, còn bà D yêu cầu trả số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 25/10/2019, bà B đã gửi "Đơn đề nghị" về việc Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trả số tiền 400.000.000 đồng, đến ngày 06/01/2020 bà B nhận được "Công văn số 92/2020/CV-VPB V/v: Phúc đáp Đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Gái B" với nội dung V không đồng ý hoàn trả lại số tiền theo đề nghị.

Vì vậy, ngày 08/5/2020 bà Nguyễn Thị Gái B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc V trả lại số tiền 400.000.000 đồng mà bà B đã nộp vào tài khoản thu nợ của ông Phan Tấn Đ1 tại V- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 18/11/2020, nguyên đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu V trả tiền lãi phát sinh do chiếm giữ 400.000.000 đồng trái pháp luật, số tiền lãi tạm tính đến ngày 16/04/2019 đến 22/04/2021 là:

736 ngày x 400.000.000 đồng x 10%/365 ngày = 80.657.534 đồng.

Tổng số tiền bà B yêu cầu Ngân hàng V thanh toán tạm tính đến ngày 22/04/2021 là 480.657.534 (Bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi bốn) đồng.

Bị đơn - trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20/4/2017, V (Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Phan Tấn Đ1, bà Lê Thị Ngọc G có ký kết "Hợp đồng cho vay số: LN1703160028772/HCM/HĐTD" như nguyên đơn đã trình bày.

Về việc mua bán chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DOTHANH, mang biển số 62C-08863, đây là giao dịch dân sự phát sinh riêng giữa bà Nguyễn Thị Gái B và ông Phan Tấn Đ1, không liên quan đến V. Giao dịch mua bán này, V cho rằng là trái với quy định tại Hợp đồng đã ký kết trước đó giữa V với ông Phan Tấn Đ1, bà Lê Thị Ngọc G - khi tài sản vẫn đang thế chấp tại V, chưa được sự đồng ý bằng văn bản của V mà ông Phan Tấn Đ1 đã tự ý bán cho bà Nguyễn Thị Gái B. Còn việc bà Nguyễn Thị Gái B nộp 400.000.000 đồng vào tài khoản của ông Đ1 với nội dung nộp tiền: "TRA TIEN MUA XE BIEN so 62C 08863 (NGUYEN THI GAI BA NOP TIEN MAT)", V đã thực hiện yêu cầu theo đúng chức năng của tổ chức tín dụng và tuân theo các quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về việc buộc V trả tiền lãi phát sinh do chiếm giữ 400.000.000 đồng trái pháp luật với số tiền lãi tạm tính từ ngày 16/4/2019 đến 22/4/2021 là 80.657.534 đồng. V không ký kết bất kỳ hợp đồng nào với bà Nguyễn Thị Gái B, nên việc phát sinh tiền lãi là không có cơ sở pháp lý.

Do vậy, V không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Gái B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Phan Tấn Đ1 thống nhất và đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Trong trường hợp Ngân hàng V không giải chấp tài sản được thì phải hoàn trả số tiền là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị Gái B, vì đây là số tiền của bà Nguyễn Thị Gái B, không phải tiền của ông Đ1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc G vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 83/2021/DSST-ST ngày 27/04/2021 như sau:

"*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:*

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả cho bà Nguyễn Thị Gái B số tiền nợ là 480.657.534 (Bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/4/2021 là 80.657.534 đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 13/5/2021, Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn do ông Phạm Quang Đ đại diện trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án, vì giữa nguyên đơn và Ngân hàng không có mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh là có hợp đồng hay có sự đồng ý của Ngân hàng cho ông Đ1 bán tài sản thế chấp.

Nguyên đơn do ông G trình bày: Nguyên đơn đồng ý bản án sơ thẩm. Không đồng ý kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị tính lãi đến ngày xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phan Tấn Đ1 do bà Nguyễn Thị D đại diện trình bày: Vẫn giữ các ý kiến đã trình bày trước đây, đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, không đồng ý kháng cáo và kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Ông Đ1 chuyển nhượng tài sản đang thế chấp tại V cho bà Gái B là không đúng quy định. Giữa bà Gái B và V không có bất kỳ giao dịch nào hay không có bất kỳ thỏa thuận ba bên nào, nên Viện kiểm sát cho rằng việc nguyên đơn khởi kiện V là không có căn cứ, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Kháng nghị của Viện Kiểm sát và kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 và Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn kháng nghị, thời hạn kháng cáo theo Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng và quyết định mở phiên tòa cho các bên đương sự, nhưng bà Lê Thị Ngọc G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt khi xét xử, căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Ngọc theo quy định chung.

[3] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[3.1] Về quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 05/5/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 với nội dung: giữa nguyên đơn và V không tồn tại giao dịch dân sự nên không thể phát sinh tranh chấp, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo Hợp đồng cho vay số LN1703160028772/HCM/HDTD ngày 20/4/2017, V cho ông Đ1 và bà G vay số tiền 504.000.000đồng trong hạn 72 tháng với phương thức vay trả góp, biện pháp bảo đảm tiền vay quy định tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay là "Thế chấp bằng toàn bộ Quyền sở hữu/ sử dụng 01 (một) chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DOTHANH, mang biển số 62C-088.63 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đỗ Tấn Đ1 và bà Lê Thị Ngọc G".

Theo Khế ước nhận nợ ngày 20/4/2017 (BL.186-187), thời hạn cho vay là 72 tháng tính từ ngày 21/4/2017 đến 21/4/2023.

Đến ngày 14/4/2019, khi chiếc xe tải nêu trên vẫn trong diện đang thế chấp tại V, bà B và ông Đ1 đã có thỏa thuận mua bán xe (BL.37) thống nhất thực hiện thủ tục mua bán xe tải Hyundai biển số 62C-088.63 thông qua hình thức giải chấp tại Ngân hàng vào ngày 15/4/2019.

Xét thỏa thuận của các bên về việc chuyển nhượng tài sản đang thế chấp này là phù hợp Khoản 5 Điều 321 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Bên thế chấp có quyền "*Được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nếu được bên nhận thế chấp đồng ý*."

Việc thực hiện thủ tục mua bán xe giữa bà B và ông Đ1 sẽ không thể thực hiện nếu không có sự đồng ý của V. Thực tế, cả bà Gái B và ông Đ1 đều ý thức được điều này và thể hiện rõ việc thông qua thủ tục giải chấp tại V. Tại giấy mua bán xe viết tay (không đề ngày) có ghi rõ "*Hẹn ngày mai 15/4/2019 ra giải chấp ngân hàng lấy đăng ký xe, ký giấy và giao xe cho bên mua*". Đến ngày 16/4/2019 các bên mới thực hiện thủ tục này tại V, thể hiện:

Theo Văn bản đề nghị trả nợ trước hạn ngày 16/4/2019 (BL.185, BL.36), ông Đ1 và bà G còn nợ tiền vay gốc là 343.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 3.046.983 đồng, phí trả nợ trước hạn là 12.005.000 đồng, tổng cộng số tiền phải trả (làm tròn) là 358.052.000 đồng. Cũng theo Văn bản thứ hai đề nghị trả nợ trước hạn cùng ngày 16/4/2019 (BL.35), ông Đ1 còn nợ tiền vay gốc là 44.482.476 đồng, nợ tiền lãi là 151.240 đồng, phí trả nợ trước hạn là 889.650 đồng, tổng cộng số tiền phải trả (làm tròn) là 45.524.000 đồng. Hai văn bản này do V phát hành và chốt tất cả các khoản nợ ông Đ1 và bà G còn nợ (bao gồm cả gốc, lãi và phạt trả nợ trước hạn).

Cùng ngày 16/4/2019, bà Nguyễn Thị Gái B nộp số tiền 400.000.000đồng vào tài khoản của ông Phan Tấn Đ1 tại V với nội dung "TRA TIEN MUA XE BIEN SO 62C 08863 (NGUYEN THI GAI BA NOP TIEN MAT)".

Như vậy, để thực hiện việc mua bán tài sản đang thế chấp tại ngân hàng, phải có sự thỏa thuận và thống nhất của ba bên: người mua, người bán và ngân hàng. Trường hợp của bà Gái B và ông Đ1 cũng không ngoại lệ, vì theo mặt sau của Văn bản đề nghị trả nợ trước hạn ngày 16/4/2019 (BL.35, 36), phía V đã xác nhận và đồng ý giải chấp tài sản thế chấp của ông Đ1 và bà G.

Do vậy, việc V cho rằng ông Đ1 tự ý thỏa thuận bán xe trong thời gian đang thế chấp tài sản tại V là vi phạm là không đúng thực tế khách quan – giao dịch chuyển nhượng có điều kiện – giải chấp tài sản đang thế chấp tại ngân hàng, đã được thể hiện qua lời trình bày của các bên và tài liệu có trong hồ sơ.

Ngoài trường hợp của ông Đ1 và bà G nêu trên, hồ sơ vụ án còn thu thập hồ sơ các trường hợp tương tự về việc khách hàng tất toán khoản vay tín dụng và V giải chấp tài sản thế chấp trên cùng mẫu biểu như trường hợp của ông Đ1. Thể hiện, giao dịch mua bán chuyển nhượng tài sản thế chấp trong thời gian thế chấp tài sản thông qua qua thủ tục tất toán của V là đã có nhiều tiền lệ trước đây, tất cả đều có sự đồng ý của V nhưng đều không có văn bản thỏa thuận tay ba giữa người mua – người bán và Ngân hàng hoặc văn bản của V thể hiện sự đồng ý cho phép người đang có tài sản được bán/ chuyển nhượng tài sản thế chấp như yêu cầu và lập luận của người đại diện V tại phiên tòa.

Đồng thời, giao dịch giữa bà B, ông Đ1 và người đại diện của V về việc mua bán xe tải đang thế chấp tại V, tuy không được thể hiện cụ thể bằng văn bản, nhưng qua lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án, và bằng hành vi chuyển tiền của bà Gái B vào tài khoản của ông Đ1 tại V – có ghi rõ nội dung chuyển tiền "TRA TIEN MUA XE BIEN so 62C 08863 (NGUYEN THI GAI B NOP TIEN MAT)"- không thể phủ nhận sự tồn tại của thỏa thuận này trên thực tế, và giao dịch này không trái với quy định pháp luật về thế chấp và quy định về Hình thức giao dịch dân sự tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 "*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn*

bản hoặc bằng hành vi cụ thể", nên không thể cho rằng giữa bà B và V không có quan hệ giao dịch nên không thể phát sinh tranh chấp như quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát.

Mặt khác, việc bà Gái B chuyển tiền vào tài khoản của ông Đạt tại V nhằm mục đích để mua lại chiếc xe của ông Đ1 đang thế chấp tại V, do vậy, trong trường hợp giao dịch mua – bán xe không thành, thì ông Đ1 không có quyền sử dụng số tiền này của bà B và Ngân hàng không được khấu trừ khoản tiền không thuộc sở hữu của ông Đ1 vào khoản nợ tín dụng của vợ chồng ông Đ1, bà G. Theo Khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 "*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại."* , theo Khoản 1 Điều 166 *"*Chủ sở hữu*, chủ thể có quyền khác đối với tài sản* có quyền đòi lại tài sản từ *người chiếm hữu,* người sử dụng tài sản*, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*."

Do đó, bà Gái B có quyền khởi kiện đối với V đã xâm phạm đối với số tiền bà Gái B chuyển vào tài khoản của ông Đ1 tại V, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ việc là đúng, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo của V về việc không đồng ý bản án sơ thẩm buộc V phải trả lại tiền và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Ngày 16/4/2019, bà Gái B đã nộp số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán của ông Đ1 tại V với nội dung: "Trả tiền mua xe biển số 62C - 08863 (Nguyễn Thị Gái B nộp tiền mặt)" (BL.34).

Tại hai Giấy "Đề nghị trả nợ trước hạn" ngày 16/4/2019 (BL.35 và BL.36) của ông Đ1 ghi cụ thể số tiền dư nợ, số tiền lãi và tiền phạt thanh toán trước hạn tính đến ngày 16/4/2019, tổng cộng các khoản là 403.576.000 đồng. Chi tiết các khoản nợ cần phải thanh toán này do V cung cấp thông tin tại thời điểm ông Đạt đề nghị tất toán trước hạn. Mặt sau của Giấy "Đề nghị trả nợ trước hạn" phần ghi do V thực hiện ghi rõ "*xác nhận khách hàng không có khoản nợ xấu tại thời điểm đề nghị trả nợ*", được cán bộ tín dụng và lãnh đạo V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký và đóng dấu.

Điều này khẳng định V đã xác nhận dư nợ của ông Đ1 và bà G là không còn vào ngày 16/4/2019, đồng nghĩa với việc VP đã xác nhận khoản nợ theo hợp đồng tín dụng LN1703160028772/HCM/HDTD đã được tất toán.

Thể hiện thêm cho việc xác định hợp đồng tín dụng

LN1703160028772/HCM/HDTD đã được tất toán, ngày 17/4/2019, Phòng khách hàng cá nhân của V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có "Tờ trình phương án xử lý nợ" đề xuất Hội đồng xử lý nợ: "Đồng ý cho giải chấp tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu Huyndai HD99 biển kiểm soát 62C - 088.63".

Như vậy, vấn đề đặt ra sẽ là V đồng ý tất toán khoản vay của ông Đ1 và bà G theo Hợp đồng số LN1703160028772/HCM/HDTD, thì V có quyền giữ lại tài sản thế chấp cho Hợp đồng này hay không.

Đại diện V cho rằng V có quyền giữ lại tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng số LN1703160028772/HCM/HDTD vì Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1703160028772/HCM/HĐTCSP ngày 20/4/2017 (BL.191- 188) nêu:

"*1. Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện Toàn bộ nghĩa vụ của Bên thế chấp đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LN1703160028772/HCM/HĐTD ngày 20/4/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên thế chấp và Bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bán sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan (Sau đây gọi chung là "Văn kiện tín dụng").*"

Như vậy, *Văn kiện tín dụng* là bao gồm *các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan* được hiểu là liên quan đến Hợp đồng tín dụng số LN1703160028772/HCM/HĐTD ngày 20/4/2017, không phải là các hợp đồng tín dụng không cùng chủ thể ký kết với loại tín dụng hoàn toàn khác về cách thức và bản chất.

Đối với hai khoản nợ của bà G là các khoản nợ tín chấp cá nhân, không phải từ các văn bản liên quan đến tín dụng giữa ông Đ1, bà Giàu với V. Các khoản nợ vay tín chấp không có tài sản đảm bảo phải chịu lãi suất và quy chế cho vay gắt gao hơn nhiều lần so với vay tài sản có bảo đảm. Bà G được V cho vay tín chấp nên không có tài sản đảm bảo, đồng nghĩa việc không được ưu tiên thanh toán bằng tài sản thế chấp mà phải qua quy trình xử lý nợ vay tín chấp. V đã khởi kiện bà G ra Tòa án huyện Đức Hòa và Tòa án tỉnh Long An để yêu cầu trả nợ. Với bản án đã tuyên có hiệu lực về việc buộc bà G và ông Đ1 liên đới trả nợ cho khoản vay tín chấp trên, V chỉ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho thi hành đối với tài sản của bà G hoặc ông Đ1, vì vậy, việc V tự ý giữ lại tài sản thế chấp của ông Đ1 và bà G tại thời điểm hợp đồng tín dụng đã được tất toán ngày 16/4/2019 - khi chưa có cơ quan có thẩm quyền ra quyết định kê biên tài sản này để thi hành cho khoản nợ tín dụng của bà Giàu là vi phạm quyền lợi chính đáng của khách hàng và của bà Gái B.

Vậy V giữ lại tài sản thế chấp cho Hợp đồng cho vay số LN1703160028772/HCM/HĐTD ngày 20/4/2017 (khi hợp đồng này đã được tất toán vào ngày 16/4/2019) là không có căn cứ. Nên việc không giải chấp xe tải

Hyundai biển số 62C-088.63 theo yêu cầu của ông Đ1, bà B là vi phạm nghiêm trọng quyền lợi chính đáng của họ. Do đó, bà Gái B khởi kiện V là có căn cứ, Tòa án nhân dân Quận 1 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gái B đối với bị đơn là V là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo, kháng nghị là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1.

[3.3] Xét yêu cầu của người đại diện nguyên đơn về việc tính lãi đối với khoản tiền V đã giữ của bà Gái B từ ngày 16/4/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyên đơn không có kháng cáo và đã đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, trong đó phần lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*." là đã đảm bảo đầy đủ quyền lợi chính đáng của nguyên đơn và bao gồm luôn cả phần yêu cầu của đương sự, nên không cần thiết phải sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 83/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Gái B:

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải trả cho bà Nguyên Thị Gái B số tiền nợ là 480.657.534 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), trong đó số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/04/2021 là 80.657.534 đồng.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu 23.226.301 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Gái B số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và số tiền 1.750.959 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng) theo các biên lai thu số AA/2019/0029128 ngày 21/5/2020 và AA/2019/003 0090 ngày 19/11/2020 cùng của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0030893 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Q.1;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hiền

